Phụ lục 67
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ VĨNH XƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 17, 18, 23, 30, 31, 32 Phụ lục 67 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL67 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1	1	Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Vĩnh Hòa (Ấp Vĩnh Thạnh B)	840	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Vĩnh Hòa)
2	2	Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Vĩnh Xương (Trung tâm hành chính xã, Ấp 2)	672	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Vĩnh Xương)
3	3	Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Phú Lộc (Ấp Phú Yên)	1.344	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Phú Lộc)
4	4	Chợ Vĩnh Hòa (Chợ Vĩnh Hòa cũ)	1.848	Sửa tên đường (Tên cũ: Chợ Vĩnh Hòa)
5	5	Chợ Phú Lộc (Chợ Phú Lộc cũ)	1.344	Sửa tên đường (Tên cũ: Chợ Phú Lộc)

TT	Số TT PL67 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6	6	Quốc lộ 80B: Từ Hải Quan - cầu Am Lôi Thôi	943	Gộp đoạn; Từ Hải Quan - Cầu Bến Nước; Cầu Bến Nước - Ngã 3 Mũi Tàu; Ngã 3 Mũi Tàu - Cây xăng Long Hùng; Cây xăng Long Hùng - Cầu Am Lôi Thôi
7	7	Đường Nhựa khu vực Vĩnh Hòa, Phú Lộc, Vĩnh Xương	432	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Nhựa khu vực Vĩnh Hòa, Phú Lộc)
8	17	Tuyến dân cư kênh 7 xã (Quốc lộ 80B - Sông Tiền)	1.100	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư kênh 7 xã (TL 952 Sông Tiền))
9	18	Tuyến dân cư kênh 7 xã (Quốc lộ 80B - ranh xã Tân An)	629	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư kênh 7 xã (TL 952 ranh Phú Lộc))
10	23	Đường bờ Bắc Kênh Cùng (Quốc lộ 80B - Kênh 7 xã)	472	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường bờ Bắc Kênh Cùn (Tỉnh lộ 952 kênh 7 xã))
11	30	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
12	31	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	240	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	32	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL67 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Ấp Vĩnh Thạnh A, B, C, D, Vĩnh Bường, Vĩnh Khánh, Vĩnh An**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Tiếp giáp Quốc lộ 80B	107	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 952);
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Tiếp giáp Quốc lộ 80B	160	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 952);
II	**II**	**Ấp 1, 2 ,3, 4, 5**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		- Tiếp giáp Quốc lộ 80B	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 952);
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Tiếp giáp Quốc lộ 80B	160	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 952);